



zhǔ dòng quán

主动权

noun · initiative; control

Example Sentences

Wǒ men zhǎng wò le zhǔ dòng quán

我们掌握了主动权。

We have taken the initiative.

Zài tán pàn zhōng tā shī qù le zhǔ dòng quán

在谈判中，他失去了主动权。

In the negotiation, he lost the initiative.

Trace each character, then write the word on your own.

主	主	主	主	主	主	主	主				
动	动	动	动	动	动	动	动	动			
权	权	权	权	权	权	权	权	权			